

Số: 22/2020/QĐST-DS

Bình Tân, ngày 24 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2020/TLST- DS ngày 12 tháng 3 năm 2020

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Số 266-268 đường N, phường A, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D. Chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Thanh T. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Bình Tân, Vĩnh Long (văn bản uỷ quyền ngày 16/12/2019)

Địa chỉ: Số 15, tổ 19, khóm Th, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn:

2.1 Ông Huỳnh Ngọc A, sinh năm 1966

2.2 Bà Châu Tô Đ, sinh năm 1968

Địa chỉ: Tổ 01, Khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh Huỳnh Quốc V, sinh năm 1996

3.2 Anh Huỳnh Quốc T, sinh năm 2001

Địa chỉ: Tổ 01, khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Chấm dứt hợp đồng số LD1701100510 ngày 11/01/2017 ký giữa Ngân hàng với ông Huỳnh Ngọc A và bà Châu Tô Đ trước thời hạn.

2.2 Ông Huỳnh Ngọc A và bà Châu Tô Đ thống nhất trả cho ngân hàng TMCP S số tiền 83.649.557đ (*tám mươi ba triệu sáu trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm năm mươi bảy đồng*) (vốn gốc 68.750.000đ, lãi trong hạn và quá hạn tính đến thời điểm 15/6/2020 là 14.899.557đ)

2.3. Ông Huỳnh Ngọc A và bà Châu Tô Đ có trách nhiệm tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền lãi trong hạn phát sinh trên dư nợ gốc giảm dần của từng kỳ trả nợ và lãi quá hạn phát sinh thực tế trên tổng dư nợ gốc của các kỳ hạn không trả đúng hạn theo hợp đồng tín dụng số LD1701100510 ngày 12/01/2017 ký giữa Ngân hàng với ông Huỳnh Ngọc A và bà Châu Tô Đ trước thời hạn. Thời điểm trả lãi tiếp theo được tính kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2020 cho đến khi ông Huỳnh Ngọc A và bà Châu Tô Đ tất toán xong dư nợ gốc 68.750.000đ.

2.4. Trường hợp ông Huỳnh Ngọc A không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý kê biên, phát mãi các tài sản đảm bảo tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã ký vào ngày 12 tháng 01 năm 2017 để thu hồi các khoản nợ. Gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có số phát hành BE 169269, sổ vào sổ cấp GCN: CH02537 do UBND huyện Bình Tân cấp ngày 28/9/2015 cho hộ ông Huỳnh Ngọc A và bà Châu Tô Đ đứng tên sử dụng. Thửa đất số: 85 tờ bản đồ số 19, địa chỉ Khóm T, thị trấn Q, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

2.5 Án phí: Ông Huỳnh Ngọc A và bà Châu Tô Đ phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 2.091.000đ (*hai triệu không trăm chín mươi một nghìn đồng*).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP S số tiền là 1.921.000đ theo

biên lai thu số 0011382 ngày 09/3/2020 tại chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ánh Dương

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).